TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số:15/2017/DS-ST
Ngày 11/08/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Quốc Khởi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Thành**

2. Bà **Võ Phương Lan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GR.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST–DS ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân TMCP P:** Địa chỉ: số 45, LD, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo pháp luật: ông **Trịnh Văn T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T: ông **Ngô Trung K** – Giám đốc Chi nhánh BL (theo văn bản ủy quyền số 32/2016/UQ-CT-HĐQT ngày 05/7/2016)

+ Người được ủy quyền của ông Ngô Trung K: anh Trương Thanh N – Chuyên viên quan hệ khách hàng: Địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh BL. (theo văn bản ủy quyền số 08/2016 /GUQ-CNBL ngày 27/12/2016)

- Bị đơn: anh **Trương Tùng L** – sinh năm 1987 và chị **Phan Ngọc T** – sinh năm 1995:

Cùng địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã GR, tỉnh BL.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông **Trương Văn C** – sinh năm 1955 và bà **Lê Thị P** – sinh năm 1960:

Cùng địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã GR, tỉnh BL.

(Anh Ngư, ông C và bà P có mặt, anh L và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0024/2016/HĐTD ngày 23/02/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng P) với anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T. Ngân hàng P đã cho anh L và chị T vay số tiền là 200.000.000đ, mục đích cho vay để tiêu dùng. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay là 9%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng theo lãi suất thông thường định kỳ 06 tháng một lần, thời hạn trả nợ vào ngày 24 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trả nợ gốc hàng tháng từ tháng 01 đến tháng 59 mỗi tháng trả 3.300.000đ, tháng thứ 60 tất toán trả 5.300.000đ. Để đảm bảo cho khoảng vay anh L và chị T có thế chấp quyền sử dụng đất số BL 888192 do UBND huyện GR cấp ngày 13/08/2012 thuộc sở hữu của ông Trương Văn C và bà Lê Thị P theo hợp đồng thế chấp số 0024/2016/BĐ ngày 23/02/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được quy định trong hợp đồng. Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 21/12/2016 là:

- Tiền gốc: 173.600.000đ;

- Tiền lãi quá hạn: 1.293.547đ;

Tổng cộng là: 174.893.547đ.

Ngày 10/8/2017 người đại diện của Ngân hàng P có bản báo cáo lãi và gốc cụ thể:

- Nợ gốc: 170.744.415đ;

- Nợ lãi: 11.345.914đ;

- Lãi phạt: 2.015.807đ.

Tổng cộng: 184.106.136đ

Nay, Ngân hàng P có yêu cầu anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên. Trường hợp anh L và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng hoàn toàn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn C và bà Lê Thị P trình bày tại phiên tòa:

Do điều kiện khó khăn nên không thể thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng như đúng hạn. Nay, Ngân hàng P có yêu cầu anh L và chị T trả số tiền vay gốc (còn lại) và tiền lãi thì ông C và bà P đồng ý. Ông C, bà P có yêu cầu được giảm số tiền trả hàng tháng vì số tiền trả như hợp đồng ông C, bà P không có khả năng thanh toán.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: đối số tiền trả hàng tháng sẽ báo cáo lãnh đạo xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR phát biểu về:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Riêng đồng bị đơn (anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T) vắng mặt không có lý do tại phiên tòa và phiên hợp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Trương Văn C và bà Lê Thị P) vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa anh L, chị T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 299, khoản 7 Điều 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P về việc kiện đòi anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T trả số tiền vay và lãi (trong hạn, lãi phạt) tính đến ngày 21/12/2016 là: 174.893.547đ (tiền nợ gốc là 173.600.000đ và tiền lãi là 1.293.547đ) và các khoản lãi chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp anh L và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do ông Trương Văn C và bà Lê Thị P đứng tên tại thửa số 32 tờ bản đồ số 36 diện tích là 715m^2 đất tại khóm 2, phường 1, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tại quyền sử dụng đất số BL 888192 do UBND huyện GR (nay là thị xã GR) cấp ngày 13/8/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ngân hàng TMCP P có yêu cầu anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 0024/2016/HĐTD-CN ngày 23/02/2016, mục đích anh L và chị T vay tiền để tiêu dùng và không vì mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về dân sự. Bị đơn anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nơi cư trú tại khóm 3, phường 1, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 0024/2016/HĐTD-CN ngày 23/02/2016 được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép, không trái với quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã cho anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T vay số tiền 200.000.000đ, đã giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 0024/2016-OCB/KUNN-CN ngày 24/02/2016 với thời hạn thanh toán nợ gốc hàng tháng từ tháng 01 đến tháng 59 mỗi tháng trả 3.300.000đ, tháng thứ 60 tất toán trả 5.300.000đ. Anh L và chị T đã thanh toán đến ngày 01/11/2016 thì anh L và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù đã nhiều lần nhắc nhỡ. Như vậy, anh L và chị T đã vi phạm khoản 11 Điều 1 của hợp đồng tín dụng về thời hạn trả nợ. Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP P có yêu cầu anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nghĩa vụ trả số tiền vay còn lại theo bảng kê ngày 11/8/2017 cụ thể:

- Nợ gốc: 170.744.415đ;

- Nợ lãi: 11.345.914đ;

- Lãi phạt: 2.015.807đ (lãi quá hạn)

Tổng cộng: 184.106.136đ

Là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 4 của hợp đồng số 0024/2016/HĐTD-CN ngày 23/02/2016 và Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ và được chấp nhận.

Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoảng vay anh L và chị T cùng với ông C và bà P có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0024/2016/BĐ ngày 23/02/2016 thế chấp quyền sử dụng đất số BL 888192 do UBND huyện GR cấp ngày 13/08/2012 và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Trương Văn C và bà Lê Thị P tại thửa số 32 tờ bản đồ số 36 diện tích là 715,8m^2. Việc thế chấp tài sản này được công chứng tại Văn phòng công chứng theo đúng trình tự, thủ tục quy định và

được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP P là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về chi phí thẩm định: anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nghĩa vụ nộp tiền chi phí thẩm định là 1.000.000đ. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp tiền chi phí thẩm định là 1.000.000đ được nhận lại từ anh L và chị T khi án có hiệu lực.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trương Tùng L, chị Phan Ngọc T có nghĩa phải nộp là 9.205.000đ. Ngân hàng TMCP P được nhận lại tiền án phí là 4.372.500đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR.

Ông Trương Văn C; bà Lê Thị P không phải nộp án phí.

Xét quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, khoản 7 Điều 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P. Buộc anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền gốc: 170.744.415đ; tiền lãi 11.345.914đ; lãi phạt (quá hạn) là 2.015.807đ. Tổng cộng là 184.106.136đ theo hợp đồng tín dụng số 0024/2016/HĐTD-CN ngày 23/02/2016.

Trường hợp anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BL 888192 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 36 diện tích là 715,8m^2 do ông Trương Văn C và bà Lê Thị P đứng tên đất tại khóm 2, phường 1, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà anh L, chị T phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh L, chị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về chi phí thẩm định: anh Trương Tùng L và chị Phan Ngọc T có nghĩa vụ nộp tiền chi phí thẩm định là 1.000.000đ. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp tiền chi phí thẩm định là 1.000.000đ được nhận lại từ anh L và chị T khi án có hiệu lực.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trương Tùng L, chị Phan Ngọc T có nghĩa phải nộp là 9.205.000đ. Ngân hàng TMCP P đã dự nộp tạm ứng án phí là 4.372.500đ ngày 16/01/2017 biên lai thu số 0001332 sẽ được nhận lại đủ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR.

Ông Trương Văn C; bà Lê Thị P không phải nộp án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- Chi cục THA thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Quốc Khởi